

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2013/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 09 tháng 4 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Quyết định số 111/2008/QĐ-BNN ngày 18 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh;

Xét đề nghị của Hội đồng Quản lý Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Trị tại Tờ trình số 259/TTr-QBVPTR và Văn bản thẩm định của Sở Tư pháp số 264/STP-VBPQ ngày 27 tháng 3 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Công Thương, Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản lý Quỹ, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Trị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Cường

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Trị

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2013/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 4 năm 2013 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, nguồn tài chính và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Trị theo quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 05/2008/NĐ-CP).

Điều 2. Địa vị pháp lý của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Trị

1. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Trị (sau đây gọi tắt là Quỹ) là một tổ chức tài chính Nhà nước, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thành lập theo Quyết định số 472/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2012 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Trị.

2. Trụ sở của Quỹ: đặt tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (256 Lê Duẩn, Đông Hà, Quảng Trị).

3. Tên gọi của Quỹ: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Trị.

4. Tên giao dịch quốc tế của Quỹ: Quang Tri Provinces Forest Protection and Development Fund (QTFPDF).

5. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng ở địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Mục đích thành lập và nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Mục đích thành lập Quỹ

- Huy động các nguồn lực của xã hội để bảo vệ và phát triển rừng, góp phần thực hiện chủ trương xã hội hóa nghề rừng;

- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng của những người được hưởng lợi từ rừng hoặc có các hoạt động ảnh hưởng trực tiếp đến rừng;

- Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý, sử dụng và bảo vệ rừng cho các Chủ rừng, góp phần thực hiện chiến lược phát triển lâm nghiệp.

2. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ

- Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, nhưng phải bảo toàn vốn Nhà nước cấp ban đầu;
- Quỹ hỗ trợ cho các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu đầu tư;
- Phải đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ

Điều 4. Chức năng của Quỹ

- Tiếp nhận vốn ngân sách của tỉnh, vốn tài trợ, viện trợ; huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để tạo nguồn vốn;
- Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn ủy thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động theo hợp đồng ủy thác;
- Tiếp nhận và quản lý các khoản đóng góp bắt buộc theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP;
- Thực hiện hỗ trợ vốn cho các chương trình, dự án, hoạt động phi dự án theo quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ

Nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ được quy định tại Điều 6 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP; tại Điều 3 Quyết định số 472/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2012 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Trị.

Chương III

NGUỒN VỐN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 6. Nguồn tài chính hình thành Quỹ

1. Ngân sách nhà nước của tỉnh hỗ trợ vốn ban đầu khi thành lập Quỹ số tiền là 5.000.000.000 VND (*năm tỷ đồng*) và cấp đủ trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày Quỹ thành lập.
2. Nguồn thu từ các khoản đóng góp bắt buộc của các đối tượng sau:
 - 2.1. Đóng góp của chủ rừng khi còn khai thác, kinh doanh gỗ trong những trường hợp sau đây:
 - a) Tổ chức kinh tế được Nhà nước giao rừng sản xuất không thu tiền sử dụng rừng.
 - b) Tổ chức kinh tế được Nhà nước giao rừng sản xuất có thu tiền sử dụng rừng hoặc nhận chuyển nhượng rừng nhưng tiền sử dụng rừng, tiền chuyển nhượng rừng đã trả có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.
 - c) Hộ gia đình, cá nhân được giao rừng sản xuất không thu tiền sử dụng rừng.

2.2. Tiền thu từ các đơn vị sử dụng dịch vụ môi trường rừng được quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và theo quy định cụ thể của UBND tỉnh.

2.3. Đóng góp của cơ sở kinh doanh cảnh quan, nghỉ dưỡng, dịch vụ sinh thái - môi trường rừng.

2.4. Đóng góp từ các dự án đầu tư phải khai thác rừng để giải phóng mặt bằng và có yêu cầu phải trồng lại rừng nhưng không có điều kiện.

3. Tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức quốc tế; tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

4. Vốn nhận ủy thác từ các tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước; từ các Quỹ và các nguồn tài chính khác.

5. Nguồn hỗ trợ từ Quỹ Trung ương.

Điều 7. Đối tượng và nội dung được hỗ trợ

1. Đối tượng được hỗ trợ là các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn trong tỉnh có chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án theo các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Các nội dung được hỗ trợ

Tùy theo điều kiện cụ thể của Quỹ ở từng cấp, nội dung các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được xem xét, hỗ trợ bao gồm:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

b) Thử nghiệm và phổ biến, nhân rộng mô hình bảo vệ và phát triển rừng, quản lý rừng bền vững.

c) Hỗ trợ kinh phí để chống chặt, phá rừng và sản xuất, kinh doanh, vận chuyển lâm sản trái phép.

d) Thử nghiệm, ứng dụng giống cây trồng lâm nghiệp mới.

đ) Hỗ trợ trồng cây phân tán.

e) Phát triển lâm sản ngoài gỗ trên đất lâm nghiệp.

g) Đào tạo nguồn nhân lực cho việc bảo vệ và phát triển rừng ở cơ sở.

h) Thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án khác do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước ủy thác.

Điều 8. Điều kiện được hỗ trợ

1. Chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án phù hợp với nội dung được hỗ trợ quy định tại Khoản 2, Điều 7 của Điều lệ này và được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Tổ chức được hỗ trợ có đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn về lâm nghiệp và kinh nghiệm thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng.

3. Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được hỗ trợ có đủ năng lực dân sự thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án do Quỹ hỗ trợ.

4. Có cam kết hoàn trả toàn bộ hoặc một phần vốn nếu nguồn hỗ trợ có điều kiện phải hoàn trả.

Điều 9. Phương thức hỗ trợ tài chính của Quỹ

1. Hỗ trợ không hoàn lại toàn phần hoặc một phần vốn cho việc thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được quy định tại Điều 7 của Điều lệ này.

2. UBND tỉnh quy định cụ thể trình tự, thủ tục, đối tượng được hỗ trợ không hoàn lại toàn phần hoặc một phần vốn tùy theo từng loại chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án; đồng thời quy định mức hỗ trợ, thời gian hoàn trả khoản hỗ trợ, các trường hợp được xét miễn, giảm khoản kinh phí phải hoàn trả.

Chương IV TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA QUỸ

Điều 10. Tổ chức bộ máy

Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm có Hội đồng Quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành Quỹ.

Điều 11. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản lý Quỹ

1. Hội đồng Quản lý Quỹ có từ 07 thành viên như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng được cử trong số các ủy viên Hội đồng;
- c) Các ủy viên Hội đồng Quản lý Quỹ:
 - Chi cục Trưởng Chi cục Lâm nghiệp;
 - Chi cục Trưởng Chi cục Kiểm lâm;
 - Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
 - Trưởng phòng Khoa học, kỹ thuật Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
 - 01 Đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư;
 - 01 Đại diện Sở Tài chính.

Hội đồng Quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên Hội đồng Quản lý Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ, Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát và Kế toán trưởng của Quỹ không được bố trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh,

chị, em ruột của mình giữ chức vụ lãnh đạo về tổ chức nhân sự, kế toán - tài vụ, thủ quỹ của Quỹ.

Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ được sử dụng con dấu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong công tác quản lý, điều hành.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản lý Quỹ

1. Tổ chức nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn lực do Nhà nước giao cho Quỹ.

2. Được sử dụng con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản lý Quỹ.

3. Ban hành các loại Quy chế liên quan đến hoạt động của Quỹ.

4. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban Kiểm soát theo đề nghị của Trưởng ban Kiểm soát.

5. Trình UBND cấp tỉnh quyết định phân cấp, điều chỉnh phân cấp giữa Hội đồng Quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ trong việc quyết định hỗ trợ vốn.

6. Thông qua kế hoạch kinh phí và báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ.

7. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng Quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật.

8. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm khác theo ủy quyền của UBND tỉnh nhưng không được trái với quy định của Nghị định số 05/2008/NĐ-CP.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ

1. Thay mặt Hội đồng Quản lý Quỹ, cùng Giám đốc Quỹ ký nhận vốn và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ.

2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng Quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 12 Điều lệ này.

3. Thay mặt Hội đồng Quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản lý Quỹ.

4. Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ; có quyền hủy bỏ các quyết định của Giám đốc Quỹ trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ.

5. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ hoặc cho Ủy viên Hội đồng Quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ về các công việc được ủy quyền.

6. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Chế độ làm việc của Hội đồng Quản lý Quỹ

1. Hội đồng Quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu 03 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng Quản lý Quỹ. Khi cần thiết, Hội đồng Quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ, hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ hoặc Trưởng ban Kiểm soát, sau khi được Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng Quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số ủy viên của Hội đồng tham dự. Ủy viên Hội đồng vắng mặt phải thông báo lý do vắng bằng văn bản. Cuộc họp do Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ hoặc một ủy viên khác được Chủ tịch ủy quyền trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt làm Chủ tọa. Trong trường hợp cấp bách, việc xin ý kiến các ủy viên Hội đồng Quản lý Quỹ có thể được thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp phải được chuẩn bị và gửi tới các Ủy viên Hội đồng Quản lý Quỹ tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày họp. Nội dung cuộc họp phải được ghi chép đầy đủ vào biên bản họp.

4. Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi Ủy viên Hội đồng Quản lý Quỹ có một phiếu biểu quyết ngang nhau. Các Quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ có hiệu lực khi có ít nhất 50% trở lên tổng số Ủy viên trong Hội đồng biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì ý kiến theo phiếu của Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ là quyết định cuối cùng. Ủy viên của Hội đồng Quản lý Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo lên Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

5. Nội dung và kết luận của các cuộc họp Hội đồng Quản lý Quỹ phải được ghi rõ trong biên bản cuộc họp được Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ ký, trong một số trường hợp đặc biệt có thể được tất cả các Ủy viên tham dự cuộc họp ký. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ và phải được gửi tới tất cả các Ủy viên của Hội đồng Quản lý Quỹ.

6. Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ thay mặt Hội đồng ký ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hậu quả phát sinh từ các quyết định đó. Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ có thể ủy quyền bằng văn bản cho một Ủy viên Hội đồng ký thay.

7. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định đó. Giám đốc Quỹ có quyền đề nghị Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét lại hoặc bảo lưu ý kiến và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, nhưng trong thời gian chưa có quyết định khác của Hội đồng Quản lý Quỹ hay quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh thì vẫn phải chấp hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ.

Điều 15. Tổ chức Ban Kiểm soát Quỹ

Ban Kiểm soát có 03 thành viên, giúp Hội đồng Quản lý Quỹ giám sát hoạt động của bộ máy điều hành Quỹ. Ban Kiểm soát Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

a) Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị Hội đồng Quản lý Quỹ.

b) Các thành viên khác của Ban Kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng ban Kiểm soát Quỹ.

c) Ban Kiểm soát Quỹ chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của mình trước Hội đồng Quản lý Quỹ và pháp luật.

Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát Quỹ hoạt động theo Quy chế do Hội đồng Quản lý Quỹ phê duyệt. Ban Kiểm soát còn có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng Quản lý Quỹ và trong trường hợp cần thiết thì báo cáo Chủ tịch UBND cấp tỉnh về những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành Quỹ.

2. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng Quản lý Quỹ chấp thuận.

3. Trưởng ban Kiểm soát Quỹ phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Hội đồng Quản lý Quỹ và pháp luật về những tiêu cực hoặc bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện; về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa có sự chấp thuận của Hội đồng Quản lý Quỹ.

4. Trường hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát Quỹ, Trưởng ban Kiểm soát Quỹ có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ hoặc Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

Điều 17. Ban Điều hành Quỹ, đặt tại Chi cục Lâm nghiệp

a) Cơ cấu tổ chức gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các công chức, viên chức chuyên môn giúp việc.

- Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng Quản lý Quỹ;

- Các thành viên khác của Ban Điều hành Quỹ do Giám đốc Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm sau khi có sự thỏa thuận của Hội đồng Quản lý Quỹ;

b) Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể của Ban Điều hành Quỹ do UBND tỉnh quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản lý Quỹ.

Ban Điều hành có tài khoản đặt tại Kho bạc Nhà nước tỉnh, ngân hàng và con dấu riêng.

Điều 18. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc là người đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

2. Giám đốc Quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, giải thể và những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp của Quỹ.

b) Xây dựng kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm; xây dựng kế hoạch huy động vốn, kế hoạch tài chính trình Hội đồng Quản lý Quỹ thông qua.

c) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được duyệt và các hoạt động khác của Quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan.

d) Căn cứ các quy chế hoạt động nghiệp vụ do Hội đồng Quản lý Quỹ ban hành, ban hành các quy định về nghiệp vụ hoạt động của Quỹ.

đ) Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về các hoạt động của Quỹ cho Hội đồng Quản lý Quỹ, UBND tỉnh, Sở Tài chính.

e) Đề nghị Hội đồng Quản lý Quỹ trình Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ.

g) Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh hoặc Hội đồng Quản lý Quỹ ủy nhiệm nhưng không được trái với quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP.

Điều 19. Phó Giám đốc

Phó Giám đốc giúp Giám đốc Quỹ điều hành Quỹ, được phân công quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ, UBND cấp tỉnh và trước pháp luật về phần việc được phân công.

Điều 20. Kế toán trưởng

Kế toán trưởng là người giúp việc cho Giám đốc Quỹ, có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ, UBND cấp tỉnh và trước pháp luật về phần việc được giao.

Điều 21. Kinh phí hoạt động, chế độ lương, phụ cấp của Hội đồng Quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành Quỹ

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng Quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ và Ban Điều hành Quỹ được tính vào chi phí quản lý của Quỹ.

2. Các thành viên chuyên trách được hưởng chế độ tiền lương, thưởng, phụ cấp theo quy định hiện hành áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp. Các thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm được hưởng các khoản phụ cấp theo quy định về chế độ kiêm nhiệm.

Chương V **CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN**

Điều 22. Chế độ tài chính, kế toán

1. Chế độ tài chính, kế toán của Quỹ thực hiện theo quy định do Bộ Tài chính ban hành.
2. Quỹ phải tổ chức bộ máy kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

Chương VI **XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ**

Điều 23.

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 24.

Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ do Hội đồng Quản lý Quỹ đề nghị UBND cấp tỉnh quyết định; các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 25.

Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, phòng, ban nghiệp vụ trực thuộc bộ máy điều hành của Quỹ do Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, trên cơ sở phương thức tổ chức bộ máy quản lý đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 25. Hiệu lực thi hành

- Hội đồng Quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ này;
- Trong quá trình thực hiện, Quỹ có trách nhiệm tổng kết hoạt động, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này (khi cần thiết).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Cường